

**BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**

**CÁC QUI ĐỊNH**  
**VỀ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, DỊCH VỤ, CÔNG TRÌNH**  
**VIỄN THÔNG & CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

**NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**

[www.lib.hau.edu.vn](http://www.lib.hau.edu.vn) - [www.lib.hau.edu.vn](http://www.lib.hau.edu.vn) - [www.lib.hau.edu.vn](http://www.lib.hau.edu.vn) - [www.lib.hau.edu.vn](http://www.lib.hau.edu.vn) - [www.lib.hau.edu.vn](http://www.lib.hau.edu.vn)

**Mã số: QK 07 HM 09**

## LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Chất lượng sản phẩm, dịch vụ bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin không những có vai trò hết sức quan trọng đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung, doanh nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông nói riêng mà với cả người sử dụng (bảo vệ quyền lợi và người tiêu dùng); đồng thời nó cũng thể hiện sự phát triển về cơ sở hạ tầng bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin của một quốc gia. Do tầm quan trọng này, ngày 24 tháng 3 năm 2009, Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành 06 thông tư về quản lý chất lượng chuyên ngành công nghệ thông tin và truyền thông; Thông tư số 06/2009/TT-BTTTT về chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy đối với sản phẩm chuyên ngành công nghệ thông tin và truyền thông; Thông tư số 07/2009/TT-BTTTT ban hành Danh mục sản phẩm chuyên ngành công nghệ thông tin và truyền thông bắt buộc phải chứng nhận hợp quy; Thông tư số 08/2009/TT-BTTTT ban hành Danh mục sản phẩm chuyên ngành công nghệ thông tin và truyền thông bắt buộc phải công bố hợp quy; Thông tư số 09/2009/TT-BTTTT ban hành Quy định về kiểm định và công bố sự phù hợp đối với công trình kỹ thuật chuyên ngành viễn thông; Thông tư số 10/2009/TT-BTTTT ban hành Danh mục công trình viễn thông bắt buộc kiểm định; Thông tư số 11/2009/TT-BTTTT ban hành Danh mục công trình viễn thông bắt buộc công bố sự phù hợp.

Nhằm giúp các tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài có hoạt động sản xuất kinh doanh các sản phẩm; các thiết bị viễn thông, các thiết bị phát, thu phát sóng vô tuyến điện; các thiết bị điện tử và công nghệ thông tin... bảo đảm tương thích của sản phẩm trong kết nối, an toàn mạng viễn thông quốc gia, an ninh thông tin, sử dụng có hiệu quả và an toàn cho con người và môi trường, bảo vệ quyền lợi của người sử dụng; Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông phối hợp với Cục Quản lý Chất lượng Công nghệ thông tin và Truyền thông hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật hiện đang có hiệu lực về chất lượng, sản phẩm, dịch vụ, công trình viễn thông - công nghệ thông tin và xuất bản cuốn sách **"(Các qui định về chất lượng sản phẩm, dịch vụ, công trình viễn thông & công nghệ thông tin"**.

Nội dung cuốn sách gồm 06 phần chính: *Quản lý chất lượng sản phẩm; Quản lý chất lượng dịch vụ; Quản lý chất lượng công trình viễn thông; Chỉ định đo kiểm; Quản lý*

*nhập khẩu; Phí, lệ phí quản lý chất lượng.* Ngoài ra, cuốn sách còn giới thiệu một số nội dung "*Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật*", "*Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá*"....

Hy vọng, cuốn sách sẽ là tài liệu tham khảo cần thiết cho các lãnh đạo, các cán bộ quản lý nhà nước và các cán bộ quản lý doanh nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông, các cán bộ phụ trách công tác xuất nhập khẩu thiết bị bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin, các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến hoạt động quản lý chất lượng công nghệ thông tin và truyền thông, những bạn đọc quan tâm đến vấn đề này.

Ý kiến góp ý của các quý vị và bạn đọc xin gửi về *Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông - 18 Nguyễn Du - Hà Nội; Điện thoại: 04.35772140; 35772141; Fax: 04.35772037.*

*Xin trân trọng cảm ơn!*

**NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**

# **I - QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM**

**Số: 06/2009/TT-BTTTT**

**Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2009**

## **THÔNG TƯ**

**Quy định về chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy  
đối với sản phẩm chuyên ngành công nghệ thông tin và truyền thông**

### **BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Pháp lệnh Bưu chính, Viễn thông ngày 25 tháng 5 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 24/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Bưu chính, Viễn thông về tần số vô tuyến điện;

Căn cứ Nghị định số 160/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Bưu chính, Viễn thông về Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 187/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ,

### **QUY ĐỊNH:**

#### **Chương I**

### **QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Thông tư này điều chỉnh các hoạt động chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy (sau đây gọi tắt là chứng nhận và công bố hợp quy) đối với

các sản phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ Thông tin và Truyền thông (sau đây gọi tắt là sản phẩm), bao gồm: Các thiết bị viễn thông; các thiết bị phát, thu-phát sóng vô tuyến điện; các thiết bị điện tử và công nghệ thông tin (trừ các thiết bị sử dụng cho mục đích quốc phòng, an ninh theo quy định của pháp luật).

Các sản phẩm nằm trong khuôn khổ các điều ước quốc tế về thừa nhận lẫn nhau đối với việc chứng nhận và công bố hợp quy mà Việt Nam là thành viên thì chịu sự điều chỉnh của Điều ước quốc tế đó.

2. Đối tượng áp dụng: Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài có hoạt động sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nêu tại khoản 1 Điều này trên lãnh thổ Việt Nam (sau đây gọi tắt là tổ chức, cá nhân).

## **Điều 2. Giải thích từ ngữ**

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Chứng nhận hợp quy là việc xác nhận sản phẩm phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành và/hoặc tiêu chuẩn do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định bắt buộc áp dụng (sau đây gọi tắt là quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn) nhằm bảo đảm tương thích của sản phẩm trong kết nối, an toàn mạng viễn thông quốc gia, an ninh thông tin, bảo đảm các yêu cầu về tương thích điện từ trường, sử dụng có hiệu quả và tiết kiệm tài nguyên phổ tần số vô tuyến điện, an toàn cho con người và môi trường, bảo vệ quyền lợi của người sử dụng.

2. Công bố hợp quy là việc tổ chức, cá nhân công bố với cơ quan quản lý nhà nước và người tiêu dùng về sự phù hợp của sản phẩm với quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn tương ứng sau khi thực hiện quá trình đánh giá sự phù hợp.

3. Đo kiểm sản phẩm là việc xác định một hay nhiều đặc tính kỹ thuật của sản phẩm theo quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn tương ứng.

4. Tổ chức chứng nhận hợp quy là đơn vị sự nghiệp hoạt động dịch vụ kỹ thuật được Bộ Thông tin và Truyền thông giao trách nhiệm chứng nhận hợp quy sản phẩm thuộc quản lý chuyên ngành công nghệ thông tin và truyền thông.

5. Đơn vị đo kiểm sản phẩm là đơn vị có năng lực thực hiện được việc đo kiểm các đặc tính kỹ thuật của sản phẩm theo quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn tương ứng.

6. Đơn vị đo kiểm được chỉ định là đơn vị đo kiểm sản phẩm do Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ định để thực hiện đo kiểm phục vụ chứng nhận và công bố hợp quy.

7. Đơn vị đo kiểm được thừa nhận là đơn vị đo kiểm nước ngoài được Bộ Thông tin và Truyền thông thừa nhận trong khuôn khổ thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau.

8. Đơn vị đo kiểm được công nhận là đơn vị đo kiểm sản phẩm đủ năng lực thực hiện đo kiểm phục vụ công bố hợp quy và được công nhận bởi Tổ chức công nhận có thẩm quyền.

### **Điều 3. Tính chất hoạt động chứng nhận và công bố hợp quy**

Chứng nhận và công bố hợp quy là hoạt động bắt buộc đối với tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm là đối tượng áp dụng của quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn tương ứng.

### **Điều 4. Cơ quan quản lý nhà nước về chứng nhận và công bố hợp quy**

1. Cục Quản lý chất lượng Công nghệ thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm thực thi nhiệm vụ quản lý nhà nước về chứng nhận và công bố hợp quy đối với các sản phẩm chuyên ngành công nghệ thông tin và truyền thông trên phạm vi cả nước.

2. Các Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Sở Thông tin và Truyền thông) phối hợp với Cục Quản lý chất lượng Công nghệ thông tin và Truyền thông thực thi nhiệm vụ quản lý về chứng nhận và công bố hợp quy trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý.

### **Điều 5. Đơn vị đo kiểm phục vụ chứng nhận và công bố hợp quy**

1. Đơn vị đo kiểm phục vụ hoạt động chứng nhận hợp quy là đơn vị đo kiểm được chỉ định hoặc thừa nhận.

2. Đơn vị đo kiểm phục vụ hoạt động công bố hợp quy là đơn vị đo kiểm được chỉ định hoặc thừa nhận hoặc công nhận.

3. Đơn vị đo kiểm sản phẩm thuộc các quốc gia, vùng lãnh thổ mà Việt Nam chưa thực hiện thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau có đủ năng lực được Cục Quản lý chất lượng Công nghệ thông tin và Truyền thông đơn phương thừa nhận kết quả đo kiểm phục vụ hoạt động chứng nhận và công bố hợp quy.

4. Các đơn vị đo kiểm phải chịu trách nhiệm trước Cơ quan có thẩm quyền về tính chính xác của các kết quả đo kiểm. Kết quả đo kiểm không có giá trị thay thế cho Giấy chứng nhận hợp quy và Bản công bố hợp quy.

### **Điều 6. Các Danh mục sản phẩm và hình thức quản lý**

1. Theo từng thời kỳ, Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành “Danh mục sản phẩm chuyên ngành công nghệ thông tin và truyền thông bắt buộc phải chứng nhận và công bố hợp quy” và “Danh mục sản phẩm chuyên ngành công nghệ thông tin và

truyền thông bắt buộc phải công bố hợp quy” phù hợp với chính sách quản lý của Nhà nước.

2. Đối với “Danh mục sản phẩm chuyên ngành công nghệ thông tin và truyền thông bắt buộc phải chứng nhận và công bố hợp quy”, tổ chức, cá nhân sản xuất hoặc nhập khẩu các sản phẩm thuộc danh mục này, trừ các trường hợp quy định tại Điều 7 của Thông tư này, phải thực hiện chứng nhận hợp quy theo quy định tại Chương II, công bố hợp quy theo quy định tại Chương III và sử dụng dấu hợp quy theo quy định tại Chương IV của Thông tư này.

3. Đối với “Danh mục sản phẩm chuyên ngành công nghệ thông tin và truyền thông bắt buộc phải công bố hợp quy”, tổ chức, cá nhân sản xuất hoặc nhập khẩu các sản phẩm thuộc danh mục này, trừ các trường hợp quy định tại Điều 8 của Thông tư này, phải thực hiện công bố hợp quy theo quy định tại Chương III và sử dụng dấu hợp quy theo quy định tại Chương IV của Thông tư này.

#### **Điều 7. Các trường hợp không phải chứng nhận hợp quy**

Sản phẩm thuộc Danh mục nêu tại khoản 2 Điều 6 của Thông tư này nhưng không phải chứng nhận hợp quy trong các trường hợp sau:

1. Sản phẩm nhập khẩu theo người hoặc qua đường hàng hóa để sử dụng cho mục đích cá nhân theo quy định của pháp luật, bao gồm: Thiết bị điện tử, công nghệ thông tin; thiết bị đầu cuối cố định và di động mặt đất công cộng đối với các dịch vụ viễn thông và Internet đã được phép cung cấp và sử dụng tại Việt Nam.

2. Sản phẩm nhập khẩu hoặc sản xuất trong nước để trưng bày, triển lãm theo quy định của pháp luật hoặc làm mẫu cho việc đo kiểm sản phẩm phục vụ chứng nhận hợp quy.

3. Các thiết bị phát, thu - phát sóng vô tuyến điện của cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của nước ngoài, cơ quan đại diện tổ chức quốc tế tại Việt Nam, đoàn đại biểu cấp cao nước ngoài đến thăm Việt Nam được hưởng quy chế ưu đãi, miễn trừ ngoại giao; các phóng viên nước ngoài vào hoạt động báo chí ngắn hạn ở Việt Nam (có giấy phép hoạt động báo chí của Bộ Ngoại giao); khai thác viên vô tuyến điện nghiệp dư.

#### **Điều 8. Các trường hợp không phải công bố hợp quy**

Sản phẩm thuộc các Danh mục nêu tại khoản 2 và 3 Điều 6 của Thông tư này nhưng không phải công bố hợp quy trong các trường hợp sau:

1. Các trường hợp không phải chứng nhận hợp quy nêu tại Điều 7 của Thông tư này.

2. Sản phẩm sản xuất trong nước hoặc nhập khẩu để chính tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu sản phẩm đó sử dụng.

### **Điều 9. Đối với thiết bị phát, thu - phát sóng vô tuyến điện**

Các thiết bị phát, thu - phát sóng vô tuyến điện nhập khẩu, sản xuất trong nước (trừ trường hợp sản xuất để xuất khẩu) phải phù hợp với Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện Quốc gia và bảo đảm các quy chuẩn kỹ thuật về tần số, bức xạ, tương thích điện từ trường theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Ngoài việc tuân thủ Thông tư này về chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy, các thiết bị phát, thu - phát sóng vô tuyến điện khi sử dụng trên lãnh thổ Việt Nam còn phải có Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện của Bộ Thông tin và Truyền thông.

## **Chương II**

## **CHỨNG NHẬN HỢP QUY**

### **Điều 10. Phương thức chứng nhận hợp quy**

1. Phương thức chứng nhận hợp quy cho các sản phẩm phù hợp với quy định quản lý tại quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn tương ứng.

2. Cục Quản lý chất lượng Công nghệ thông tin và Truyền thông hướng dẫn chi tiết áp dụng phương thức chứng nhận hợp quy nêu tại khoản 1 Điều này đối với từng đối tượng cụ thể nhằm đảm bảo tuân thủ theo quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn tương ứng.

### **Điều 11. Giấy chứng nhận hợp quy**

1. Giấy chứng nhận hợp quy do Tổ chức chứng nhận hợp quy cấp có giá trị trên phạm vi toàn quốc.

2. Giấy chứng nhận hợp quy được cấp cho từng chủng loại sản phẩm, có thời hạn tối đa ba (03) năm. Trong thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận hợp quy, tổ chức, cá nhân được phép cung cấp sản phẩm ra thị trường không hạn chế về số lượng.

3. Giấy chứng nhận hợp quy theo mẫu tại Phụ lục I của Thông tư này.

### **Điều 12. Quy trình, thủ tục chứng nhận hợp quy**

1. Hồ sơ đăng ký Chứng nhận hợp quy bao gồm:

a) Đơn đề nghị chứng nhận hợp quy (theo mẫu tại Phụ lục II của Thông tư này);

